

QUYỀN 76

Hỏi: Luận về một thời gian sinh tử chân vọng, y cứ vào việc có trước sau chăng ?

Đáp: Trong đệ nhất nghĩa không có sinh tử, làm sao có trước sau ? Thuận theo thể đế, tùy theo cái thấy của chúng sinh mà vọng nói sinh tử. Như cổ đức nói: “Chân vọng theo nhau, khó tận cùng trước sau”.

Giải thích: Nếu nói trước vọng sau chân, thì chân có bắt đầu. Nếu nói trước chân sau vọng, vọng do đâu sinh ? Nếu vọng nương chân khởi, chân cũng chẳng phải chân. Nếu thể của vọng là chân thì vọng cũng không có bắt đầu, đây là phá thủ khởi lập vô thủ. Trước đã chẳng có thì sau từ đâu lập ? Không trước không sau làm sao có trung gian. Vì vậy, *Trung luận* nói:

*Bậc đại Thánh từng nói
Bản thể không thể được
Sinh tử không bắt đầu
Cũng không có sau rốt
Nếu không có trước sau
Khoảng giữa làm sao có ?
Cho nên ở trong đây
Trước sau cũng đều không.*

Chân vọng đều bắt mới nói là chân vọng, chân vọng xen suốt làm sao định trước sau ?

Hỏi: Như trên nói nghiệp ác sinh tử vô lượng vô biên, vừa rõ tâm này được tất cả đồng thời giải thoát chăng ?

Đáp: Đúng như thế, hoàn toàn thuộc về đương nhân. Nếu chướng mỏng nghiệp nhẹ thì trực liễu trực nhập, nhân duyên sâu dày, căn cơ thành thực thì đón ngộ đón tu, như gương sạch ánh sáng sinh, mây tan mặt trăng hiện. Nếu như chướng dày nghiệp nặng, quán yếu kém tâm thô phù, dù tin hiểu nhất tâm nhưng hạnh môn khó lập, có tám lớp vọng tưởng cấu uế, như lưới nhặt dày đặc có đủ

sáu thứ ràng buộc, như băng cứng keo sơn, nếu chẳng có năng lực lớn đâu thể phá vỡ.

Luận Trì Địa ghi: “Có tám thứ vọng tưởng:

1- Tự tính vọng tưởng: là chấp các pháp như sắc v.v... đều có tự thể.

2- Sai biệt vọng tưởng: là chấp sắc v.v... có thể thấy, không thể thấy; sắc hữu đối, vô đối sai biệt.

3- Nhiếp thọ tích tụ vọng tưởng: là nơi ám chấp ngã, chúng sinh là thật có, đây là trước chấp nhân, sau chấp pháp.

4- Ngã kiến vọng tưởng: vô ngã chấp là ngã.

5- Ngã sở vọng tưởng: là chấp tác dụng của ngã.

6- Hữu niệm vọng tưởng: là duyên cảnh tịnh phân biệt đáng yêu.

7- Bất niệm vọng tưởng: là duyên cảnh bất tịnh phân biệt đáng ghét.

8- Câu tương vi vọng tưởng: là duyên cảnh phân biệt trung dung.

Theo kinh luận có sáu thứ phược (trói buộc), trước nói về hai thứ phược tâm cảnh: một là tương ưng phược, hai là sở duyên phược. Phiền não là do tâm và tâm sở khởi, hẳn phải gá vào tâm vương và tâm sở làm ô nhiễm tâm gọi là tương ưng phược. Tâm và tâm sở pháp đều hay duyên cảnh, cảnh chẳng lìa trói buộc gọi là sở duyên phược. Kế nói về bốn thứ phược trong tam giới: một là tham, hai là sân, ba là kiến thủ, bốn là giới thủ. Hai phược tham sân khiến chúng sinh không ra khỏi Dục giới, luận gia nêu ví dụ như lính giữ ngục. Hai phược kiến thủ và giới thủ khiến hữu tình không ra khỏi Sắc giới và Vô sắc giới. Vì sao? Kiến thủ là chấp liệt là thắng, chấp phi tướng phi phi tướng xứ và vô tướng thiên là niết-bàn giải thoát. Giới thủ là phi nhân chấp là nhân, chấp phi tướng định, vô tướng định và kê giới là nguyên nhân sinh thiên, là nguyên nhân giải thoát. Do hai phược này khiến hữu tình không thể ra khỏi Sắc giới và Vô sắc giới.

Những vọng tưởng trói buộc trên, ngoại trừ bậc thượng căn đốn tu đều phải y cứ vào súc quán hiện tiền nghĩa là quán sát chân lý thường hiện tiền, diệu trí luôn quán sát chẳng để gián đoạn sẽ tự động tương ứng. Theo kinh điển, có sáu thứ quán hiện tiền, *Luận Du-già* nói:

“Một là tư hiện quán, nghĩa là tư tuệ thượng phẩm dẫn sinh noãn v.v..., trong đạo tứ gia hạnh quán sát các pháp gọi là hiện quán. Hai là tín hiện quán, nghĩa là duyên lòng tin thanh tịnh nơi tam bảo thế gian, xuất thế gian khiến cho hiện quán chẳng thoái chuyển. Ba là giới hiện quán, nghĩa là đạo cùng với vô lậu giới hay trừ việc phá giới khiến cho quán tăng trưởng. Bốn là trí để hiện quán, nghĩa là hai trí chính thể trí và hậu đắc trí duyên chân đế và tục đế. Năm là biên hiện quán, nghĩa là sau khi trí để quán, quán sát các duyên an lập trí thế gian và xuất thế gian. Sáu là cứu cánh hiện quán, nghĩa là trí của địa vị cứu cánh tận cùng vô sinh v.v...”

Người xưa giải thích: Trí tuệ có được khi tư lương và gia hạnh trong tự hiện quán chỉ có thể phục chứ chưa thể đoạn. Từ Sơ Địa trở lên dùng tín hiện quán, giới hiện quán, trí để hiện quán và biên hiện quán có thể đoạn. Sau Địa liền “phục”. Cứu cánh hiện quán chẳng phải phục, chẳng phải đoạn.

Đoạn này có hai thứ: một là cộng tướng đoạn, hai là tự tướng đoạn. Lúc đoạn hoặc chứng lý thành tựu không hành tướng và vô ngã hành tướng thì gọi là cộng tướng; vì không, vô ngã bao gồm tứ đế nên gọi là cộng tướng đoạn. Lúc đoạn hoặc chứng lý thành tựu chân như tịch diệt hành tướng chỉ ở nơi diệt đế, không bao gồm các đế khác thì gọi là tự tướng đoạn.

Lại có ba thứ đoạn:

1- Tự tính đoạn: như đèn trừ tối, lúc trí tuệ khởi, phiền não ám chướng tự tính đoạn trừ.

2- Bất sinh đoạn: nghĩa là lúc đắc Sơ Địa pháp không, hay khiến quả khổ nơi tam đồ ác đạo vĩnh viễn chẳng sinh, trong loài

người có mười thứ chẳng sinh hậu quả như không có căn, hai hình nam nữ, Bắc-câu-lâu châu, vô tướng thiên v.v...

3- Duyên phược đoạn: Chỉ đoạn lậu hoặc trong tâm, đối với trần cảnh bên ngoài chẳng khởi tham sân, nơi cảnh tuy duyên mà không đắm nhiễm. Trong ba thứ đoạn, hai đoạn tự tính và bất sinh tự động hay đoạn đều do duyên phược đoạn có thể khiến cho nhân quả trong tam giới chẳng sinh.

Người xưa giải thích: Trí chướng có ba môn:

1- Trí chướng: nghĩa là tâm phân biệt có không.

2- Thể chướng: nghĩa là quán biết phi hữu phi vô lập ra tâm năng quán của mình.

3- Trị tướng: nghĩa là trong vọng thức hợp với chân như chính tuệ. Y cứ vào Thập Địa có ba thứ:

- Tứ Địa, Ngũ Địa, Lục Địa đoạn trừ tâm phân biệt chấp có, nghĩa là biết pháp mạn, thân tịnh mạn v.v...

- Lúc nhập Thất Địa đoạn trừ tâm phân biệt chấp không; từ Bát Địa trở lên đoạn trừ thể chướng.

- Trước đệ Thất Địa tuy đoạn trừ tâm phân biệt hữu vô nhưng vẫn thấy tâm mình là năng quán, chân như là sở quán; chân như sở quán chẳng phải là tâm năng quán; tâm năng quán chẳng phải là chân như. Vì cho rằng chân như khác biệt mà ngoài tâm cầu pháp nên có công dụng; ngoài pháp lập tâm nên có thể chướng.

Từ Thất Địa vào Bát Địa phá trừ chướng này quán sát ngoài chân như không có tâm, ngoài tâm không có chân như. Ngoài chân như không có tâm nên tâm chẳng khác như; ngoài tâm không có chân như nên chân như chẳng khác tâm, cho nên chân như và tâm đều bất, đồng với pháp giới rộng lớn bất động, vì chẳng khác biệt. Từ ngoài suy cầu nên bỏ công dụng; chẳng phải ngoài chân như kiến lập thân trí nên trừ thể chướng; thể chướng diệt nên gọi là không có chướng tướng. Trị tướng thứ ba đến địa vị Phật mới diệt, vì vậy nhập Bát Địa tuy không có chướng tướng mà còn trị tướng. Từ Bát Địa trở lên được vô sinh nhẫn thể chuyển tịch diệt khiến cho

trị tướng dần dần tự mất, đến địa vị Phật mới hết sạch. Cho nên biết muôn cảnh tuy rỗng không nhưng cần phải được vô tâm khế hợp, không thể miệng tuy nói không mà việc làm lại có; cảnh trí tương ưng, năng sở thâm hợp mới có thể cởi mở triền phược, tùy thuận vô sinh; vừa sinh chấp trước liền thành nghiệp ma. Như *kinh Hoa Nghiêm* nói: “Phật tử, Bồ-tát ma-ha-tát có mười thứ ma. Những gì là mười ? Đó là uẩn ma, vì sinh các chấp thủ; phiền não ma, vì luôn tạp nhiễm; nghiệp ma, vì hay chướng ngại; tâm ma, vì khởi kiêu mạn; tử ma, vì bỏ thọ mạng; thiên ma, vì tự kiêu phóng túng; thiện căn ma, vì luôn chấp thủ; tam-muội ma, vì mãi tham đắm; thiện tri thức ma, vì khởi tâm chấp trước; bồ-đề pháp trí ma, vì chẳng muốn xả ly. Bồ-tát ma-ha-tát cần phải tìm cách chóng cầu xa lìa”.

Sớ thích nói:

1- Uẩn ma: Thân là phương tiện hành đạo, thể đồng với Phật làm sao là ma được ? Tên gọi uẩn ma là đặc biệt do chấp trước, chín loại ma được đề cập trên giải thích thành nghĩa ma, là đủ rõ hễ lấy tâm phân biệt vạn pháp đều là ma, đâu chỉ có mười thứ. Cho nên nếu bồ-đề pháp trí lấy thắng so liệt; chẳng đem tâm phân biệt, tất cả đều là Phật đâu thể bỏ ma giới cầu Phật giới ?

Bốn loại ma là căn cứ thể mà nói; mười loại ma là y cứ vào chấp thủ, mười thứ ma tiêu biểu vô tận. Pháp bồ-đề là sở chứng, trí là năng chứng; năng sở thâm hợp nên gọi là bồ-đề. Nếu chẳng xả bỏ kiến giải phân biệt bồ-đề, đó chính là ma. Nếu vào Tông Cảnh phân biệt tự mất, đã không có tâm năng chứng thì không có lý sở chứng. *Kinh Hoa Nghiêm* nói: “Không có chút pháp bị trí nhập, cùng không có chút trí nhập vào pháp”. Thế nên bắn một mũi tên trí phá dẹp ma quân, vung nhát đao tuệ chặt đứt lưới nghi, đây là năng lực của Tông Cảnh, còn nói chi nữa ? Nếu chẳng ngộ tự tâm, chưa thông đạt ý chỉ, dù tu trí tuệ mà chẳng vào viên thường; tuy luyện hạnh môn chỉ tăng ngã mạn, vì chưa đạt được pháp môn nhất tế, nên chỉ sinh phân biệt, nuôi lớn vô minh. Như kinh nói: “Nếu phân biệt đây là pháp Thanh văn, đây là pháp Duyên giác, đây là pháp Bồ-tát, đây là

pháp chư Phật, đây là tịnh, đây là bất tịnh, đây là đạo, đây là phi đạo thì gọi là Bồ-tát kiêu mạn”. Nếu thể nhập Tông Cảnh, trí hạnh đều thành tựu, núi ngã mạn sụp đổ, sông tham si khô cạn, lòng hơn thua hết, nghiệp sai biệt tiêu. Như *Lộng Châu Ngâm* nói:

*Trừ sáu giặc chừ thiêu bốn ma
Xô núi ngã chừ không sông ái
Long Nữ Linh Sơn dưng Phật ngọc,
Kẻ nghèo trong áo luống qua ngày.*

Hỏi: Một pháp ngũ ấm là vọng, là chân đã tạo ra môn sinh tử trần lao, cũng tạo thành đạo bồ-đề xuất thế, nay suy xét sinh tử hư vọng không từ đâu. Kinh nói: “Ấm này vừa diệt, ấm kia liền sinh”; đã là duy thức vô nhân thì ấm trước diệt, ấm sau làm thế nào được sinh ?

Đáp: Ngũ ấm tính không, chẳng phải thường, nối nhau chẳng dứt, chẳng thường chẳng đoạn chính là chính nhân. Như *Hoa Nghiêm Sớ* nói: “Năm ấm nối nhau chính là chính nhân, cũng gọi là sinh nhân”.

Chính nhân là nghĩa trung đạo, trung đạo chính là Phật tính, nghĩa là hiện ấm diệt, trung ấm sinh là ngũ ấm hiện tại, trọn bất biến là ngũ ấm trung ấm, cho nên hiện ấm chẳng phải thường, như hạt nảy mầm nhưng hạt chẳng đến mầm, tuy chẳng đến mầm mà hay nảy mầm. Ấm hiện tại này tuy chẳng đến ấm sau mà có thể sinh ấm sau thì hiện ấm chẳng phải đoạn mà ngũ ấm trung ấm cũng chẳng phải tự sinh, chẳng từ nơi khác đến. Nhân hiện ấm sinh trung ấm, đây là hậu ấm chẳng phải không có nguyên nhân nên hậu ấm chẳng phải thường. Vì có thể nối tiếp ấm trước nên ấm sau chẳng phải đoạn. Phi đoạn phi thường là nghĩa trung đạo, là tính chính nhân.

Lại y cứ Thiên Thai giáo, lược có chín loại ngũ ấm, đều không có tự thể, chỉ theo tâm sinh. Vì thế *kinh Hoa Nghiêm* có bài tụng:

*Tất cả chúng sinh giới
Đều ở trong ba đời*

*Chúng sinh trong ba đời
Đều trụ nơi ngũ uẩn.
Các uẩn, nghiệp là gốc
Các nghiệp, tâm là gốc
Tâm pháp như huyễn hóa
Thế gian cũng như thế.*

Chín loại ngũ âm như sau:

Sắc tâm một thời kỳ gọi là quả báo ngũ âm.

Bình bình tương thọ là vô ký ngũ âm.

Khởi kiến, khởi ái là hai thứ ngũ âm ô uế.

Động thân nghiệp và khẩu nghiệp là hai thứ ngũ âm thiện ác.

Biến hóa thị hiện là công xảo ngũ âm.

Người có năm căn lành là phương tiện ngũ âm.

Người chứng tứ quả là vô lậu ngũ âm.

Như vậy tất cả ngũ âm đều phát xuất từ tâm.

Kinh Chính Pháp Niệm nói: “Như tay họa sĩ vẽ ra năm màu: đen, xanh, đỏ, vàng, trắng, trắng trắng. Tay của họa sĩ dụ cho tâm, màu đen dụ cho địa ngục, màu xanh dụ cho nạ quý, màu đỏ dụ cho súc sinh, màu vàng dụ cho a-tu-la, màu trắng dụ cho người, màu trắng trắng dụ cho trời. Sáu loại âm này chỉ hạn cuộc nơi giới nội. Nếu căn cứ *kinh Hoa Nghiêm* nói: “Tâm như họa sĩ vẽ các thứ ngũ âm, tất cả giới nội, giới ngoại trong thế gian thấy đều từ tâm tạo” sắc tâm thế gian còn không thể cùng tận hướng chi xuất thế, làm sao tâm phàm phu biết được. Con mắt bệnh còn không thể thấy gần thì đâu thể thấy xa muôn kiếp. Một góc giới nội còn chẳng thấy, hướng là bờ xa giới ngoại. Như con nai khát nước chạy theo sóng nắng, chó dại sủa tiếng sấm, làm gì có lý ấy. Do đó, ngài Long Thọ phá ngũ âm nhất dị, đồng thời, trước sau, đều như sóng nắng, tiếng vang, đều không thật có, sao lại chấp tâm vương, tâm sở cùng thời, khác thời? Nhưng giới nội giới ngoại, tất cả âm, nhập đều do tâm khởi. Đức Phật bảo tỳ-kheo: “Một pháp nhiếp tất cả pháp, đây gọi là tâm”. Luận có bài kệ:

*Trong tất cả thế gian
Chỉ có danh và sắc
Nếu muốn quán như thật
Chỉ cần quán danh sắc.*

Tâm là gốc của lậu hoặc, nghĩa ấy cũng như thế. *Phụ Hành Ký* nói: “Nếu hiển bày cảnh thể bất tư nghi, chỉ cần quán tâm là đủ, vì tâm trùm khắp nên nhiếp các pháp. Lại không những tâm nhiếp tất cả mà còn tất cả nhiếp tâm”. Cho nên *Tứ Niệm Xứ Quán* nói: “Chẳng những duy thức mà còn duy sắc, duy thanh v.v...”. Nay từ rộng đến hẹp nhằm hiển bày cảnh thể, ba thứ âm, giới, nhập đều có thể là cảnh, vì rộng rãi khó hiển bày. Để nêu rõ mục đích lược bỏ giới nhập chỉ lấy âm như bỏ trọng lấy thước; lược bỏ bốn âm kia chỉ theo thức âm như bỏ thước lấy tác. Do giới, nhập thu nhiếp rất rộng, âm chỉ có hữu vi, trong cái nghĩa hữu vi gồm cả tâm sắc. Bỏ sắc giữ tâm, tâm lại bao gồm tâm và tâm sở thì nhất niệm tâm, thập giới, tam khoa như trọng, nhất giới ngũ âm như thước, chỉ ở tại thức tâm như tác. Nếu đã thấu đạt tâm đầy đủ tất cả pháp mới có thể vượt lên tất cả sắc tâm; như mỗi mỗi thước không gì chẳng phải tác, và mỗi mỗi trọng không gì chẳng phải thước, thế nên trọng thước toàn thể là tác. Cho nên biết chân đế, tục đế, hữu vi, vô vi, một cõi nước, một hạt bụi không gì chẳng phải tâm. Tông Cảnh tóm lược điểm cốt yếu, bởi điều này chỉ cần quán thức âm. Thức âm là tâm. Đã từ tâm sinh phi không, phi hữu, bất sinh, bất diệt, vô trụ, vô y, ở nơi môn nghiệp quả sinh tử bất khả tư nghi, do tướng nhân duyên hòa hợp dường như tương tục, như có chủ tử có các loài qua lại, đến lý tột cùng rốt cuộc vô thể như đá nam châm hút sắt, gương sáng hiện bóng. Đây là pháp nhĩ, đâu phải hữu tình”.

Luận Bát-nhã Giả Danh nói: “Các uẩn xoay vần thọ các loài khác nhau gọi là thủ (chấp lấy)”. Trong đó không người hay chấp lấy các loài, xả bỏ hiện uẩn mà thọ hậu uẩn, như bỏ áo cũ mặc áo mới. Y cứ tục đế giống như nhờ hình chất mà hiện bóng dáng, hình chất chẳng đến bóng dáng mà có bóng dáng hiện. Do uẩn trước nên

uẩn sau tiếp nối sinh, uẩn trước chẳng đến uẩn sau mà uẩn sau tương tục, thế nên Bồ-tát không chấp thủ là tướng.

Kinh Đại Niết-bàn ghi: “Nhuấn ấn in trên bùn, ấn và bùn hợp lại thì dù dẹp ấn, dấu in vẫn còn. Dấu in chẳng phải do bùn có, cũng chẳng phải từ nơi khác đến, vì nhờ chiếc ấn mà có dấu in.

Kinh hợp ví dụ nói: Hiện ấm diệt, trung ấm sinh là ấm hiện tại, trọn chẳng biến thành ngũ ấm của trung ấm, cũng chẳng phải tự sinh, cũng chẳng phải từ nơi khác đến, do hiện ấm nên sinh trung ấm. Ví dụ hợp nói: Như chiếc ấn in trên bùn, dẹp chiếc ấn, dấu in còn lại, tên gọi tuy không sai khác mà thời tiết sai biệt, thế nên ta nói ngũ ấm của trung ấm, nhục nhãn không thể thấy, thiên nhãn mới thấy.

Giải thích: Hiện ấm như chiếc ấn, chỗ sinh trung ấm như bùn, ấm hiện tại diệt gọi là chiếc ấn hư hoại, thân trung ấm khởi gọi là dấu in thành hình.

Nơi đây lại lấy trung ấm làm chiếc ấn, nghiệp bức ép thọ thai gọi là in trên bùn, thân trung ấm diệt gọi là chiếc ấn hư hoại, ấm vị lai khởi gọi là dấu in thành hình. Chúng tử nghiệp chưa dứt, dấu in trở lại làm chiếc ấn, chiếc ấn trở lại làm dấu in; dấu in và chiếc ấn làm thành nhau không thể cùng tận, sinh tử chẳng dứt, pháp và dụ có thể biết.

Lại như ngọn đèn, ngọn trước dẫn ngọn sau, ngọn sau nối tiếp ngọn trước, tương tục chẳng gián đoạn dường như thường, dường như một. Phạm phu chẳng thông đạt hoặc chấp sinh tử là thường, chẳng biết ngọn đèn trước vô thể, nhờ ngọn đèn sau tiếp nối khởi; ngọn đèn sau vô thể, nương ngọn đèn trước dẫn sinh; các ngọn đèn đều hư dối, tự tính tịch diệt. Nhất niệm tâm cũng lại như thế, luôn sinh diệt, mãi luân hồi, cho đến một niệm chẳng dừng giống như ngọn đèn. Nếu chẳng quán sát kỹ liền chấp sự sinh diệt này là một, là thường.

Lại chẳng rõ ngọn đèn trước vừa diệt, ngọn đèn sau tiếp sinh, niệm niệm tương tục chưa từng gián đoạn, hoặc chấp sinh tử là đoạn.

Nếu thấu suốt lý nhân duyên, tự nhiên chẳng rơi vào đoạn và thường. Vì sao ? Vì nhân duyên vô tính, bất khả đắc nên chẳng phải thường; vì vô tính nhân duyên có thể tương tục nên chẳng phải đoạn.

Lại năm ấm chỉ là một pháp, nếu chấp thành đoạn thường là kiến chấp của phàm phu. Nếu phân tích thành không là quan điểm của Tạng giáo. Nếu rõ ấm vô tính, thể nó là không là nhận thức của hàng Thông giáo. Nếu ngộ năm ấm bất không, đầy đủ Phật pháp, tu trí đoạn hoặc, lần lượt sinh khởi là Bồ-tát Biệt giáo. Nếu rõ đây là chân, không còn pháp nào khác, niệm niệm viên mãn, đầy đủ mười pháp giới, đó là Bồ-tát Viên giáo. Như kẻ phước mỏng thấy vàng là rần, người phước lớn nắm đá thành châu báu, pháp không cao thấp, người tự lên xuống. Chỉ cần chẳng tạo nghiệp nghèo giàu thì chắc chắn không có quả báo hơn kém. Như *luận Đại Trí Độ* có bài kệ:

Nghiệp tự tạo đời trước

Chuyển thành các loại hình

Hư không chẳng bị hại

Không nghiệp cũng như thế.

Hỏi: Sinh tử nối nhau là do các tập khí, có bao nhiêu tập khí mới thành luân chuyển ?

Đáp: Người xưa giải thích: tập khí với chủng tử là tên khác mà thể đồng; tập khí là y cứ lúc huân tập mà luận, chủng tử là đối với hiện hành lập tên. Tự thể của tập khí gồm có ba nghĩa:

1- Chủng tử gọi là tập khí, khí là khí phần, tập là huân tập, do hiện hành huân tập được khí phần.

2- Hiện hành gọi là tập khí, nghĩa là do chủng tử hay sinh hiện hành, đây là khí phần của nhà chủng tử.

3- Tập khí gọi là tập khí, như giấy thơm có mùi thơm. *Luận Duy Thức* nói: “Huân bản thức khởi tự công năng, công năng này

gọi là tập khí”. Công năng là thể của tập khí. Chúng tử đại lược có ba loại tập khí: danh ngôn tập khí, ngã chấp tập khí, hữu chi tập khí.

1- Danh ngôn tập khí, nghĩa là chúng tử thân cận của pháp hữu vi. Danh ngôn có hai:

a) Biểu nghĩa danh ngôn, là âm thanh sai biệt hay diễn bày ý nghĩa.

b) Hiện cảnh danh ngôn, là tâm tâm sở pháp hay liễu cảnh.

Tùy theo chúng tử do hai loại danh ngôn huân tập thành, tạo ra pháp hữu vi nhân duyên riêng biệt.

2- Ngã chấp tập khí, nghĩa là chúng tử của chấp ngã và ngã sở hư vọng. Ngã chấp có hai:

a) Câu sinh ngã chấp, là ngã và ngã sở chấp nhờ tu đạo đoạn trừ.

b) Phân biệt ngã chấp, là ngã và ngã sở chấp nhờ kiến đạo đoạn trừ.

Tùy theo chúng tử do hai thứ ngã chấp huân tập thành, hiện tại hữu tình tự tha sai biệt.

3- Hữu chi tập khí, nghĩa là chúng tử của nghiệp dị thực chiêu cảm ba cõi. Hữu chi có hai:

a) Hữu lậu thiện, là nghiệp hay chiêu lấy quả ưa thích.

b) Hữu lậu bất thiện, là nghiệp hay chiêu lấy quả đáng ghét.

Tùy theo chúng tử mà hai thức hữu chi huân tập thành khiến cho quả dị thực thiện ác sai biệt.

Tập khí ngã chấp và tập khí hữu chi nơi quả sai biệt là tăng thượng duyên. Đoạn trên nói sinh tử do tập khí của nghiệp, phải biết đó là hữu chi lập khí; nhị thủ tập khí nên biết đó là hai thứ tập khí ngã chấp và danh ngôn. Vì chấp lấy ngã, ngã sở và danh ngôn mà huân tập thành nên gọi là thủ.

Giải thích:

Biểu nghĩa danh ngôn, chỉ có thức thứ sáu hay duyên tên gọi, hay phát tên gọi, các thức khác đều không thể duyên, cũng không thể phát, tức là âm thanh sai biệt hay bày nghĩa, lược bỏ âm thanh

chẳng bày nghĩa, vì nó chẳng phải danh ngôn, tên gọi chỉ là vô ký. Tên gọi là những quanh co sai biệt trên âm thanh chỉ là tính vô ký, chẳng thể huân tập thành chủng tử sắc tâm. Nhưng do tên gọi nên tâm tùy theo tên gọi, biến tợ năm uẩn, ba tính v.v... mà huân tập thành chủng tử. Do tên gọi khởi chủng tử gọi là chủng tử danh ngôn. Tất cả huân tập chủng tử đều do tâm và tâm sở. Chủng tử của tâm và tâm sở có cái nương vào ngoại duyên và cái chẳng nương bên ngoài. Cái chẳng nương vào bên ngoài gọi là hiển cảnh danh ngôn; cái nương vào bên ngoài gọi là biểu nghĩa danh ngôn. Tuy phân hai thứ riêng biệt nhưng tự thể của tên gọi không thể huân tập chủng tử.

Hiển cảnh danh ngôn, là tâm và tâm sở pháp hay liễu cảnh, tức là tâm kiến phần của bảy thức, chẳng phải là tâm của tướng phần, vì chẳng thể hiển cảnh. Cho nên phần đoạn sinh tử từ nơi chính sử mà có, chính là phàm phu, còn biến dịch sinh tử sinh ra từ tập khí, tức là nhị thừa. Tuy đoạn chính sử mà chẳng trừ tập khí. Trong đó có hai:

1/ Phiền não tập khí: Như Nan-đà có tập khí ái dục, vì trong thời quá khứ nhiều đời làm quốc vương gần gũi năm dục; Xá-lợi-phất có tập khí sân, trong quá khứ nhiều đời làm con bọ cạp; Tất-lăng-già-bà-tha có tập khí kiêu mạn, trong quá khứ nhiều đời sinh làm Đại bà-la-môn bác học đa tài ngã mạn khinh người, cho đến tỳ-kheo Đản-đặc có tập khí si v.v...

2/ Nghiệp tập khí: Như tỳ-kheo Ngu-thi thuở quá khứ từng làm thân bò, chạy đuổi trong rừng vướng phải cây cối bị rách áo cà-sa, do nguyên nhân này nên tuy ông ta được đạo quả mà vẫn phải chịu như thế. Lại như Ca-diếp nghe tiếng đàn liền đứng lên múa may, A-nan thường thích ca ngâm, đều là do thuở quá khứ từng làm nhạc sĩ. Do nghiệp tập khí còn lại nên nếu phiền não dư tập thì là duyên biến dịch, nếu nghiệp dư tập khí thì là nhân biến dịch, cảm biến dịch sinh tử chính là quả báo. Hàng nhị thừa chưa được nhất tâm giải thoát niết-bàn của Như Lai, nơi địa vị vô học tuy

kiến hoặc và tư hoặc hết, những điều vô tri đều là dư tập của vô minh, cũng gọi là vô minh trụ địa, cũng gọi là sở tri chướng, cũng gọi là trần sa vô tri.

Căn cứ vào hóa môn, Bồ-tát có mười thứ tập khí, phẩm Ly Thế Gian trong kinh Hoa Nghiêm ghi: “Này Phật tử, Bồ-tát ma-ha-tát có mười thứ tập khí. Những gì là mười ? Đó là bồ-đề tâm tập khí, thiện căn tập khí, giáo hóa chúng sinh tập khí, kiến Phật tập khí, u thanh tịnh thể giới thọ sinh tập khí, hạnh tập khí, nguyện tập khí, ba-la-mật tập khí, tư duy bình đẳng pháp tập khí, chủng chủng cảnh giới sai biệt tập khí. Nếu chư Bồ-tát an trụ pháp này liền vĩnh viễn xa lìa tất cả phiền não tập khí, được đại trí tập khí của Như Lai, chẳng phải tập khí trí. Cho nên biết hai nghiệp nhiễm tịnh, hai môn thăng trầm đều sinh từ huân tập, chẳng phải do vô nhân mà được, cần phải siêng tu bạch nghiệp tịnh pháp, luôn luôn huân tập, niệm niệm công phu, tự thành diệu quả. Do đó, trong kho tám thức của mỗi chúng sinh đều có đủ chủng tử mười pháp giới, vốn tự đầy đủ chẳng phải mới sinh; tuy thường nội huân nhưng phải nhờ ngoại duyên huân phát. Nếu nghe thập ác sẽ huân phát chủng tử ba đường ác; nếu nghe ngũ giới, thập thiện sẽ huân phát chủng tử trời người; nếu nghe tứ đế, thập nhị nhân duyên sẽ huân phát chủng tử Nhị thừa; nếu nghe lục độ sẽ huân phát chủng tử Bồ-tát; nếu nghe nhất thừa sẽ huân phát chủng tử chư Phật, đều tùy theo chỗ tập khí thành thực sâu đậm mà phát khởi. Hiện nay phần nhiều là tập khí của chủng tử tam đồ, rất ít chủng tử trời người, huống chi chủng tử Phật thừa! Nhưng lúc địa ngục giới hiện hành, chủng tử Phật cũng chẳng mất, chỉ là chuyển đổi lâu dài; ngày nay đã ở cõi trời người thì cần phải nỗ lực thường gìn giữ thiện tri thức, ưa thích lắng nghe nhất thừa, nội ngoại tư huân một đời thành tựu. Cho nên đức Phật khuyên La-hầu-la bằng bài kệ:

Vô lượng chúng sinh trong mười phương,

Niệm niệm đã chứng quả Thiện Thế;

Họ là trượng phu, ta cũng thế,

Sao lại tự khinh mà lui sụt.

Hỏi: Sinh tử, niết-bàn, khổ vui báo ứng lấy gì làm nhân ?

Đáp: Lấy Như Lai tạng làm nhân.

Hỏi: Như Lai tạng là vô lậu thường trụ, chẳng phải pháp sát-na sinh diệt, tại sao cùng sinh diệt làm nhân ?

Đáp: Tất cả loài dị sinh nhân giác nên mê, mê không thể. *Kinh Lăng-già* ghi: “Phật dạy: Nay Đại Huệ, bảy thức chẳng lưu chuyển, chẳng thọ khổ vui, chẳng phải là nhân niết-bàn. Nay Đại Huệ, Như Lai tạng thọ khổ lạc và cùng với nhân hoặc sinh hoặc diệt”.

Người xưa giải thích: Bảy thức niệm niệm sinh diệt chẳng phải qua lại sáu đường nên gọi là chẳng lưu chuyển. Vì niệm niệm diệt nên chẳng biết khổ vui, chẳng cùng niết-bàn làm nhân. Lại bảy thức từ duyên vốn không tự tính, còn không thể là gốc của sinh tử khổ vui thì làm sao làm nhân của niết-bàn! Như Lai tạng thường khiến cho các thức biết khổ vui, bảy thức nếu không có Như Lai tạng, tự thể niệm niệm diệt chẳng biết khổ vui, nương vào Như Lai tạng nên biết khổ vui, gọi là Như Lai tạng thọ khổ vui, thể của Như Lai tạng chẳng thọ khổ vui.

Nói cùng với nhân hoặc sinh hoặc diệt, nghĩa là Như Lai tạng cùng với nhân sinh tử khổ vui của bảy thức đồng niệm niệm sinh diệt.

Lại nói: Bảy thức niệm niệm sinh diệt vô thường, ngay lúc sinh khởi là diệt thì làm thế nào lưu chuyển ? Tự thể không có nên chẳng thọ khổ vui. Đã chẳng phải nhiễm y, cũng chẳng phải vô lậu niết-bàn y. Như Lai tạng chân thường khắp cả sáu đường, mê nó có thể tùy duyên thành sự lãnh thọ quả khổ vui, cùng ở chung với bảy thức gọi là cùng chung với nhân. Vì chẳng giữ gìn tự tính mà thành nên bảy thức nương nơi đây mà có sinh diệt nên nói là hoặc sinh, hoặc diệt. Đây nói Như Lai tạng chính là chân như tùy duyên nên thọ khổ vui v.v...

Lại giải thích: Vì gốc hại ngọn khiến ngọn trống không nên không thể lưu chuyển, chỉ có Như Lai tạng thọ khổ vui. Vì ngọn hại

gốc nên chẳng giữ tự tính thể thành tịnh tùy duyên thành có. Nếu thuận nhau thì như nước với sữa hòa hợp thường ở chung trong bình chứa. Nếu trái nhau thì như cha mẹ oán thù chẳng đội trời chung.

Lại nữa, trên còn có nghĩa chẳng còn, trên mất có nghĩa chẳng mất; nếu chỉ mất mà không chẳng mất thì sắc không đều bất không thể tương tức. Vì chẳng mất nên tuy tương tức mà sắc không rõ ràng; nếu chỉ còn mà không chẳng còn thì sắc không đều có tính cố định chẳng được tương tức, do có chẳng còn nên tuy rõ ràng mà được tương tức. Như theo *Khởi Tín* hai môn chân như và sinh diệt vô ngại chỉ là nhất tâm, kết quy khởi tín y nơi nhất tâm lập ra hai môn, cho nên cần phải đầy đủ hai nghĩa mới gọi là cụ phần duy thức.

Hỏi: Thức thứ chín cũng có hai thứ chuyên y: một là trì chủng y, là thức thứ tám, hai là mê ngộ y, là chân như, tại sao nói nương nơi tám thức sinh diệt chỉ có tâm cảnh y trì ?

Đáp: Tuy nói mê ngộ y, chẳng phải là tâm cảnh trì chủng, vì chân như bất biến, chẳng theo tâm biến hóa muôn cảnh, chỉ là do mê muội mà thôi, sau đó trở lại thanh tịnh, chẳng phải là bao gồm tương tức chân như mà chỉ là tỏ ngộ. Nay là tâm cảnh y trì tức là hai thể chân vọng phi hữu, nên nói là nhất tâm. Y cứ nghĩa bất đồng, chia thành hai nghĩa phân biệt hai môn. Vì thế luận nói: “Hai môn này đều bao gồm tất cả pháp, vì hai môn này chẳng lìa nhau”. Do đó, *Kinh Lăng Nghiêm* nói: “Sinh diệt qua lại vốn là Như Lai tạng”. Ngày nay người đời chỉ tin có sinh diệt mà chẳng tin có Như Lai tạng, chẳng biết sinh tử hữu danh vô thể, Như Lai tạng hữu danh hữu thể. Chỉ có thể theo thật mà chẳng dựa vào hư; dựa vào hư thì theo vọng chấp, theo thật thì được Phật ấn khả.

Hỏi: Luận về tâm bao hàm giáo pháp, thể nào là pháp môn nhất tâm tứ đế ?

Đáp: Pháp môn tứ đế bao trùm cả không gian và thời gian, không pháp nào chẳng đủ, không giáo nào chẳng cùng. Nay y cứ

Thiên Thai giáo, nhất tâm có vô tác tứ đế, trong nhất niệm tâm có đủ thập giới khổ gọi là khổ đế; đủ thập giới hoặc gọi là tập đế; khổ tức niết-bàn gọi là diệt đế; hoặc tức bồ-đề gọi là đạo đế. Đây chỉ nói về nhất tâm tứ đế.

Nói về bốn loại tứ đế trong tứ giáo: sinh diệt tứ đế của Tịnh giáo, vô sinh tứ đế của Thông giáo, vô lượng tứ đế của Biệt giáo, vô tác tứ đế của Viên giáo.

Nay chỉ bàn về vô tác tứ đế của Viên giáo, *Chi Quán* nói: “Pháp tính cùng tất cả pháp không hai, không khác”. Pháp phàm phu còn vậy, huông là nhị thừa; lìa pháp phàm phu lại cầu thật tướng giống như tránh né hư không nơi này tìm cầu hư không nơi khác. Chính pháp phàm phu là pháp thật tướng, chẳng cần bỏ phàm cầu Thánh.

Kinh nói: “Sinh tử tức niết-bàn”, một sắc một hương đều là trung đạo, chính là vô tác tứ đế.

Huyền Nghĩa nói: “Vì mê lý nên bồ-đề là phiền não gọi là tập đế; niết-bàn là sinh tử gọi là khổ đế; vì có trí tuệ nên phiền não là bồ-đề gọi là đạo đế; sinh tử là niết-bàn gọi là diệt đế”. Ngay nơi sự là trung đạo, không suy nghĩ, không ai tạo tác nên gọi là vô tác, cũng gọi là nhất thật đế.

Nhất thật đế là không hư vọng, không điên đảo, thường lạc ngã tịnh, cho nên gọi là vô tác tứ Thánh đế. *Kinh Pháp Hoa* có bài kệ:

Lại dùng phương tiện khác

Giúp bày đệ nhất nghĩa.

Lại nói: “Chỉ có một sự thật này”, chính là vô tác nhất thật đế, vì tính của chân như là tự tâm chân thật gọi là nhất thật đế. Niệm niệm viên thành còn làm chi nữa gọi là vô tác tứ đế. Do đó, tám nghìn Thanh văn hội Pháp Hoa thấy Như Lai tính, như mùa thu gộp lại, mùa đông tàng trữ không còn tạo tác, vì đạt bản nên pháp nhĩ như thế. Nếu người chưa thấy tính chẳng thể an nhiên, khoanh tay bắt chước vô tác vô tu, cần phải nước đến ngòi thành, tự nhiên nhiệm vận. Cho nên chỉ cần sáng tỏ nhất tâm tự nhiên vô tác, chẳng phải gượng ép cho nên nói ám nhập đều là như, không có khổ để xả

bỏ; vô minh trần lao, chính là bò-đề, không có tập đề đoạn; biên kiến tà kiến đều là trung chính không có đạo đề tu; sinh tử tức niết-bàn không có diệt đề chứng. Vô khổ vô tập nên không có thế gian; vô đạo vô diệt nên không có xuất thế gian, thuần nhất thật tướng, ngoài thật tướng ra không có pháp khác.

Lại *kinh Văn-thù Đạo Hành* ghi: “Phật bảo Văn-thù-sư-lợi: Nếu thấy tất cả các pháp không sinh khởi là cõi bỏ khổ đế; nếu thấy tất cả các pháp vô trụ là hay đoạn tập đế; nếu thấy tất cả các pháp cứu cánh niết-bàn là hay chứng diệt đế; nếu thấy tất cả các pháp không tự thể tức là tu đạo đế”.
